

Bản án số: 957/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phạm Dũng Phát.

2. Bà Lê Thị Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2241/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1980; Nơi cư trú: 4A Nguyễn K, Phường X, quận Gò V, Thành phố H (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Vinh L, sinh năm 1967; Nơi cư trú: 1600 L blvd # 800 Killeen TX X U (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09/11/2021 và lời khai của nguyên đơn – bà Trần Thị Mỹ D thì:

Bà và ông Vinh L chung sống có đăng ký kết hôn số 746, quyền số 03 ngày 02/3/2011 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng không sống chung vì ông L định cư tại Mỹ và rất ít khi về Việt Nam. Khi sống xa nhau vợ chồng không còn liên lạc, tình cảm và phát sinh mâu thuẫn trong nuôi dạy con cái. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm không còn bà khởi kiện ly hôn ông Vinh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là trẻ Vĩnh Thiên P, sinh ngày 20/11/2007 và Vĩnh Thiên K sinh ngày 01/10/2015. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo Bản tự khai ngày 13/5/2022 của bị đơn ông Vinh L đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Houston, Texas chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự: Ông thống nhất với trình bày của bà Trần Thị Mỹ D về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Mỹ D, đồng ý giao bà D trực tiếp nuôi con chung Vĩnh Thiên P, sinh ngày 20/11/2007 và Vĩnh Thiên K sinh ngày 01/10/2015, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 746, quyển số 03 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/3/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Mỹ D và ông Vinh L là hợp pháp. Xét thấy, theo trình bày thống nhất của các đương sự thì bà Trần Thị Mỹ D và ông Vinh L đã không chung sống trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại hai người ở hai nước khó có thể đoàn tụ. Ông Vinh L đã có văn bản gửi Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, trình bày ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Mỹ D. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Mỹ D là có căn cứ để chấp nhận. Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Mỹ D; về con chung: Bà Trần Thị Mỹ D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Vĩnh Thiên P, sinh ngày 20/11/2007 và Vĩnh Thiên K sinh ngày 01/10/2015 ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung; về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ D phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Bà Trần Thị Mỹ D và ông Vinh L là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Trần Thị Mỹ D và ông Vinh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D, ông L.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 746 quyển số 03 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/3/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Mỹ D và ông Vinh L là hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của hai bên đương sự thì bà D và ông L đã không chung sống trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu ly hôn ông L, ông L cũng đồng ý ly hôn bà D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì bà Trần Thị Mỹ D và ông Vinh L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Mỹ D có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về nuôi con: Do bà Trần Thị Mỹ D và ông Vinh L thống nhất thỏa thuận giao bà D trực tiếp nuôi con chung Vĩnh Thiên P, sinh ngày 20/11/2007 và Vĩnh Thiên K sinh ngày 01/10/2015 nên giao bà Trần Thị Mỹ D trực tiếp nuôi trẻ Vĩnh Thiên P, sinh ngày 20/11/2007 và Vĩnh Thiên K sinh ngày 01/10/2015, ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ D và ông Vinh L thống nhất trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ D và ông Vinh L thống nhất trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ D được ly hôn ông Vinh L.

2. Về nuôi con: Giao bà Trần Thị Mỹ D trực tiếp nuôi con Vĩnh Thiên P, sinh ngày 20/11/2007 giới tính: nam và Vĩnh Thiên K sinh ngày 01/10/2015, giới tính: nữ. Bà Trần Thị Mỹ D tự nguyện không yêu cầu ông Vinh L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Vinh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vĩnh Thiên P và Vĩnh Thiên K.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001760 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với bà Trần Thị Mỹ D và 01 (một) tháng đối với Vinh

L kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- TAND Tối cao;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA Dân sự TP.HCM;
- Các đương sự (02);
- UBND TP.HCM;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: HSVA, VT (22).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Minh

